

## CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN NGƯỜI BỆNH



### SỰ CỐ Y KHOA

Ghi nhận có 2 sự cố y khoa không nghiêm trọng (100% báo cáo tự nguyện)

**Sự cố 1:** Lúc 6 giờ 00, ngày 5/4/2020 phát hiện tan máu sau truyền máu mức độ nhẹ. Phát hiện xử lý kịp thời, theo đúng quy trình. Ngày 6/4/2020, bệnh ổn định hoàn toàn.

**Sự cố 2:** Ngày 23/6/2020, bệnh nhân điều trị tăng huyết áp độ II bằng Concor 2,5mg + Telmisartan 40mg chuẩn bị phẫu thuật đục thủy tinh thể. Ngày 24/6/2020, phát hiện nhịp chậm, nhịp bộ nối (38 - 45 lần/phút), chuyển ICU phối hợp nội tim mạch, điều trị ổn định. Đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và có giải pháp kiểm soát, dự phòng.

### PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC ADR

Ghi nhận có 6 ca phản ứng thuốc:

- Ngày 6/4/2020 ghi nhận có phản ứng với thuốc Bactamox (Amoxicillin + Sulbactam), mức độ nhẹ.
- Ngày 25/4/2020 ghi nhận có phản ứng với thuốc Leflocin, mức độ trung bình.
- Ngày 20/5/2020 ghi nhận 2 ca có phản ứng với thuốc Voltaren, mức độ trung bình.
- Ngày 24/5/2020 ghi nhận có phản ứng với thuốc Rocephin, mức độ nhẹ.
- Ngày 3/6/2020 ghi nhận có phản ứng với thuốc Rocephin, mức độ nhẹ.

Tất cả các trường hợp đều được phát hiện sớm, xử trí kịp thời, đúng quy trình. Các bệnh nhân đều được hồi phục hoàn toàn.

### CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG

Chỉ số	Kết quả	Chỉ tiêu	So sánh với chỉ tiêu
1. Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên	K. Phụ Sản: 92,4%	≥ 95%	Đạt
	K. Ngoại: 61,9%	≥ 72%	Đạt
	K. TMH: 82,4%	> 96%	Đạt
2. Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện	K. Cấp cứu-Hồi sức nội: 0%	< 0,5%	Đạt
3. Sự cố y khoa nghiêm trọng	P. Quản lý chất lượng: 0	0 sự cố	Đạt
4. Tỷ lệ HSBA hoàn thiện các yêu cầu cơ bản theo quy chế HSBA	Phòng KHTH: 61,91%	> 80%	Không đạt
	Khoa Mắt: 96,52%	> 80%	Đạt
5. Tỷ lệ ca phẫu thuật khoa Mắt sử dụng đúng hướng dẫn thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật khi tiến hành phẫu thuật	Khoa Mắt: 100%	100%	Đạt
6. Tỷ lệ ca phẫu thuật sử dụng đúng hướng dẫn thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật khi tiến hành phẫu thuật	P. Điều dưỡng: 100%	100%	Đạt
7. Tỷ lệ viêm mũi nội nhân sau phẫu thuật nội nhân	Khoa Mắt: 0%	< 0,08%	Đạt
8. Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	K. Khám bệnh: 87,97 phút	< 2,08 giờ (125 phút)	Đạt
9. Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)	Khoa Cấp cứu: 2,14%	≤ 4%	Đạt
	Khoa Nội: 0,81%	< 2,5%	Đạt
	Khoa Ngoại: 0,2%	< 1%	Đạt
	Khoa Sản: 0,2%	< 1%	Đạt
Đơn vị Nhi: 1,70%	< 1%	Không đạt	
10. Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	Kiểm soát nhiễm khuẩn: 0%	< 3%	Đạt
11. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ khám chữa bệnh	Ngoại trú: 90,2%	> 85%	Đạt
	Nội trú: 91%	> 90%	Đạt
12. Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế	Phòng HCNS: 85,8%	> 85%	Đạt



### GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐÚNG PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ

Khoa Nội trú	Số hồ sơ được kiểm tra	Tuân thủ		Không tuân thủ	
		N	%	N	%
1. Khoa Cấp cứu	9	9	100	0	0
2. Khoa Nội	37	37	100	0	0
3. Khoa Ngoại	30	30	100	0	0
4. Khoa Phụ Sản	46	46	95,7	2	4,3
5. Đơn vị Nhi	39	39	100	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>161</b>	<b>159</b>	<b>98,8</b>	<b>2</b>	<b>1,2</b>